TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 79/2026/HNGĐ-ST Ngày 25 - 5 - 2026 V/v hôn nhân gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Bích T** sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Thôn T, xã G, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ hiện tại: Thôn Số x, ngõ y, đường A, K, C, Đài Loan (Trung Quốc).

Người được chị Đặng Bích T ủy quyền thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ: Anh **Vũ Trọng B**, sinh năm 2001; nơi cư trú thôn M, xã Đ, tỉnh Hưng Yên và anh **Nguyễn Chí N**; nơi cư trú thôn M, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh **Đức Minh S** sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn D, xã H, tỉnh Hưng Yên.

(*Chị T, anh S vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đặng Bích T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đức Minh S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện năm 2010 và được UBND xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình (Nay là xã H, tỉnh Hưng Yên) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2016, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống thường ngày vô cùng căng thẳng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng mâu thuẫn vẫn không thể giải quyết. Đến tháng 9/2016 chị sang Đài Loan làm việc, từ đó cả hai đã sống ly thân, đến nay không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đức Minh S theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đức Minh D, sinh ngày 09/11/2010 và Đức Thị Tú L, Sinh ngày 20/09/2012. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết về con chung như sau: giao cháu Đức Minh D và cháu Đức Thị Tú L cho anh Đức Minh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/01 con/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đức Minh S trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình (Nay là xã H, tỉnh Hưng Yên) ngày 23/4/2010. Sau khi kết hôn năm 2010, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mẫu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng trong làm ăn kinh tế, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở Hải Dương (Nay là Hải Phòng) sinh sống sau đó thì đi nước ngoài lao động xuất khẩu còn anh cho 02 con về nhà bố đẻ tại xã H, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Từ đó hai vợ chồng sống ly thân, chị T không có trách nhiệm gì với con cái, một mình anh phải nuôi 02 con chung. Nay chị T xin ly hôn anh quan điểm của anh là đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Đức Minh D, sinh ngày 09/11/2010 và Đức Thị Tú L, sinh ngày 20/9/2012. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung và nợ chung đều không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 16/4/2026, UBND xã Bắc Đông Hưng cung cấp:* Anh Đức Minh S, sinh năm 1987 có nơi cư trú và đang sinh sống tại thôn Thân Thượng, xã H, tỉnh Hưng Yên. Anh S và chị T có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã C (nay là xã H). Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh chị đi lao động tự do ở tỉnh ngoài, chỉ về nhà vào dịp nghỉ lễ. Đến khoảng 10 năm nay, anh S và 02 con chung về sinh sống, làm việc và học tập tại địa phương, còn chị T đi đâu, làm gì địa phương không nắm rõ. Theo anh S trình bày thì anh chị đã sống ly thân từ lâu, về nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm rõ. Về con chung: Anh S và chị T có 02 con chung là Đức Minh D, sinh ngày

09/11/2010 và Đức Thị Tú L, sinh ngày 20/9/2012. Từ khi anh chị sống ly thân, anh S là người nuôi các con chung, các con ở cùng anh S phát triển bình thường, sức khỏe tốt. Về tài sản chung và nợ chung giữa anh S và chị T địa phương không nắm rõ.

* Cháu Đức Minh D và cháu Đức Thị Tú L đều có đơn đề nghị được ở với bố.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, các Điều 212, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, d khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Đặng Bích T ly hôn anh Đức Minh S; Giao cho anh Đức Minh S trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Đức Minh D, sinh ngày 09/11/2010 và Đức Thị Tú L, sinh ngày 20/9/2012, buộc chị Đặng Bích T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung; các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đặng Bích T hiện đang cư trú tại Đài Loan vì vậy đây là vụ án có yếu tố nước ngoài. Bị đơn - anh S đang cư trú tại xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thay đổi nơi thường trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39.

[2] Về tố tụng: Chị T và anh S đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T và anh S.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình (Nay là xã H, tỉnh Hưng Yên) ngày 23/4/2010. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát

sinh mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng cả hai không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài và không còn quan tâm tới nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh S cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với chị T. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị T và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Đặng Bích T và anh Đức Minh S có 02 con chung là Đức Minh D, sinh ngày 09/11/2010 và Đức Thị Tú L, sinh ngày 20/9/2012. Chị T và anh S đều có nguyện vọng giao cho anh S trực tiếp nuôi cả hai con chung, các con chung cũng có nguyện vọng được ở cùng anh S nên cần giao cho anh S trực tiếp nuôi cả hai con chung là phù hợp, bảo đảm sự ổn định về điều kiện sinh hoạt, học tập và tâm lý của các cháu.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị T đề nghị được cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng, anh S yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.0000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các Điều 82, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình, cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên; mức cấp dưỡng được xác định căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và khả năng thực tế của người có nghĩa vụ. Hiện nay, cả hai cháu đều đang trong độ tuổi học tập, sinh hoạt hằng ngày phát sinh nhiều khoản chi phí thiết yếu như ăn ở, học tập, chăm sóc sức khỏe và các nhu cầu sinh hoạt phù hợp với độ tuổi. Mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu như chị T đề nghị là chưa bảo đảm đầy đủ nhu cầu thiết yếu của các cháu. Xét điều kiện thực tế của các bên và quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh S, buộc chị T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

khoản 4 Điều 147, các Điều 212, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đặng Bích T ly hôn anh Đức Minh S

2. Về con chung: Giao cho anh Đức Minh S trực tiếp nuôi con cả 02 con chung là Đức Minh D, sinh ngày 09/11/2010 và Đức Thị Tú L, sinh ngày 20/9/2012. Buộc chị Đặng Bích T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định pháp luật.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị T và anh S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Bích T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000838 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị T còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, anh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;*
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *THA dân sự tỉnh Hưng Yên;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**